

Từ mới 31/3/2023

STT	Từ mới	Nghĩa	Giải thích
1	turn on	bật	turn on the light: bật đèn
	turn off	tắt	turn off the light: tắt đèn
2	nuclear power	năng lượng hạt nhân	
3	dangerous for	nguy hiểm cho	
4	environment	môi trường	
5	look for	tìm kiếm	
6	save electricity	tiết kiệm điện năng	
7	low energy light bulb	bóng đèn năng lượng thấp	
8	reduce	làm giảm	
	increase	làm tăng	
9	fossil fuel	nhiên liệu hóa thạch	
10	pollute	gây ô nhiễm	pollute the environment: gây ô nhiễm môi trường
	pollution	sự ô nhiễm	environmental pollution: sự ô nhiễm môi trường